

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 01 năm 2020

**ĐIỂM THI**

PHẦN IV: ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VN VỀ CÁC LĨNH  
VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

**LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 40, TẠI TRƯỜNG**

| STT | Họ và tên           | Số BD | Số<br>phách | Điểm<br>th | Bảng chữ | Ghi chú |
|-----|---------------------|-------|-------------|------------|----------|---------|
| 1   | Nguyễn Thị Kim Anh  | 1     | 14          | 7.5        | Bảy rưỡi |         |
| 2   | Lý Thế Anh          | 2     | 22          | 7.5        | Bảy rưỡi |         |
| 3   | Hoàng Văn Anh       | 3     | 24          | 7.5        | Bảy rưỡi |         |
| 4   | Hà Văn Bắc          | 4     | 52          | 7.5        | Bảy rưỡi |         |
| 5   | Trần Thị Chang      | 5     | 57          | 7.5        | Bảy rưỡi |         |
| 6   | Nguyễn Thị Diễm     | 6     | 58          | 8.0        | Tám      |         |
| 7   | Phạm Quang Dương    | 7     | 07          | 7.0        | Bảy      |         |
| 8   | Trịnh Thị Quý Dương | 8     | 35          | 7.0        | Bảy      |         |
| 9   | Vũ Đại Dương        | 9     | 39          | 7.0        | Bảy      |         |
| 10  | Hoàng Văn Đại       | 10    | 36          | 7.5        | Bảy rưỡi |         |
| 11  | Hoàng Công Động     | 11    | 54          | 7.5        | Bảy rưỡi |         |
| 12  | Nguyễn Thanh Đức    | 12    | 59          | 7.5        | Bảy rưỡi |         |
| 13  | Tổng văn Đức        | 13    | 26          | 7.0        | Bảy      |         |
| 14  | Nông Đình Giai      | 14    | 61          | 7.0        | Bảy      |         |
| 15  | Nguyễn Trọng Hà     | 15    | 28          | 8.0        | Tám      |         |
| 16  | Nguyễn Thanh Hà     | 16    | 12          | 7.5        | Bảy rưỡi |         |
| 17  | Nguyễn Thị Hằng     | 17    | 11          | 7.5        | Bảy rưỡi |         |
| 18  | Lưu Viết Hành       | 18    | 05          | 7.0        | Bảy      |         |
| 19  | Trần Văn Hiếu       | 19    | 64          | 7.5        | Bảy rưỡi |         |
| 20  | Hoàng Văn Hiệu      | 20    | 20          | 7.5        | Bảy rưỡi |         |
| 21  | Ma Phúc Hình        | 21    | 30          | 6.5        | Sáu rưỡi |         |
| 2   | Ma Thanh Hoàn       | 22    | 23          | 7.0        | Bảy      |         |
| 23  | Bàn Thị Hồng        | 23    | 04          | 7.0        | Bảy      |         |



th

| STT | Họ và tên            | Số BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bằng chữ | Ghi chú |
|-----|----------------------|-------|-------------|-------------|----------|---------|
| 24  | Dương Thị Thanh Huệ  | 24    | 13          | 7.0         | Bảy      |         |
| 25  | Hoàng Văn Hường      | 25    | 56          | 7.0         | Bảy      |         |
| 26  | Nguyễn Thị Thu Hương | 26    | 19          | 7.0         | Bảy      |         |
| 27  | Tạ Văn Kiên          | 27    | 53          | 7.0         | Bảy      |         |
| 28  | Lê Thị Lan           | 28    | 03          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 29  | Đỗ Thị Lân           | 29    | 63          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 30  | Lăng Văn Lịch        | 30    | 42          | 7.0         | Bảy      |         |
| 31  | Dương Thị Liễu       | 31    | 01          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 32  | Dương Quang Minh     | 32    | 44          | 7.0         | Bảy      |         |
| 33  | Tô Văn Mười          | 33    | 46          | 7.0         | Bảy      |         |
| 34  | Chu Thị Nam          | 34    | 62          | 8.0         | Tám      |         |
| 35  | Trần Thúy Ngân       | 35    | 18          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 36  | Lý Hoài Ngân         | 36    | 15          | 7.0         | Bảy      |         |
| 37  | Triệu Thị Ngọc       | 37    | 02          | 7.0         | Bảy      |         |
| 38  | Tạ Văn Nguyên        | 38    | 17          | 7.0         | Bảy      |         |
| 39  | Dương Văn Nguyên     | 39    | 33          | 7.0         | Bảy      |         |
| 40  | Nguyễn Thị Nhàn      | 40    | 09          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 41  | Đỗ Danh Pháp         | 41    | 06          | 6.5         | Sáu rưỡi |         |
| 42  | Hoàng Văn Phước      | 42    | 27          | 7.0         | Bảy      |         |
| 43  | Bàn Tài Quân         | 43    | 41          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 44  | Dương Văn Quy        | 44    | 45          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 45  | Lê Thị Quỳnh         | 45    | 10          | 7.0         | Bảy      |         |
| 46  | Nguyễn Ngọc Sơn      | 46    | 65          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 47  | Tạ Huy Tân           | 47    | 40          | 7.0         | Bảy      |         |
| 48  | Hoàng Anh Thái       | 48    | 55          | 7.0         | Bảy      |         |
| 49  | Ma Đình Thành        | 49    | 60          | 7.0         | Bảy      |         |
| 50  | Nguyễn Phương Thảo   | 50    | 25          | 7.0         | Bảy      |         |
| 51  | Trần Đức Thiện       | 51    | 48          | 7.0         | Bảy      |         |
| 52  | Nguyễn Văn Hóa Thuận | 52    | 43          | 7.0         | Bảy      |         |
| 53  | Nguyễn Thị Thúy      | 53    | 32          | 8.0         | Tám      |         |
| 54  | Dương Thị Thùy       | 54    | 16          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |

| STT | Họ và tên          | Số BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bảng chữ | Ghi chú |
|-----|--------------------|-------|-------------|-------------|----------|---------|
| 55  | Hoàng Thị Thùy     | 55    | 34          | 7.0         | Bảy      |         |
| 56  | Phạm Quốc Toàn     | 56    | 31          | 7.0         | Bảy      |         |
| 57  | Lê Thị Huyền Trang | 57    | 38          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 58  | Nguyễn Thị Trang   | 58    | 47          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 59  | Trần Mạnh Tuấn     | 59    | 37          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 60  | Lường Văn Tuấn     | 60    | 29          | 7.0         | Bảy      |         |
| 61  | Đoàn Mạnh Tùng     | 61    | 21          | 7.0         | Bảy      |         |
| 62  | Nguyễn Hà Tùng     | 62    | 49          | 7.0         | Bảy      |         |
| 63  | Dương Quân Tùng    | 63    | 51          | 7.0         | Bảy      |         |
| 64  | Đặng Văn Vững      | 64    | 50          | 8.0         | Tám      |         |
| 65  | Vi Thị Yên         | 65    | 08          | 7.0         | Bảy      |         |

**PHÒNG QLĐT&NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**



**Nguyễn Phúc Ái**

**KHOA XDD  
TRƯỞNG KHOA**



**Ngô Thị Hồng Nhung**

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Minh Chuyên**